

Bản án số: 05/2022/DS-ST.

Ngày: 28 - 7 - 2022.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng

Ông Phạm Ngọc Dung.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST- DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên toà số 05/2022/QĐST – DS ngày 01/7/2022 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1977; Bà Dương Thị Th, sinh năm 1979;

Đều trú tại: Thôn N2, xã Th, huyện T, tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Th là ông Lê Văn T (Theo giấy uỷ quyền ngày 25/3/2022).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1979;

Trú tại: Thôn Đ, xã Ph, huyện V, tỉnh T

Tại phiên toà có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2022, bản tự khai ngày 12/4/2022 quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Văn T trình bày:

Bà Hoàng Thị H làm đại lý chuyên mua Đót về làm chổi. Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 26/01/2020, bà H có mua Đót của vợ chồng ông T về làm chổi, với tổng số tiền 354.000.000 đồng (ba trăm năm mươi tư triệu đồng); Hai bên thống

nhất bà H sẽ chuyển khoản số tiền nói trên cho vợ chồng ông T. Vì không thấy bà H chuyển tiền hàng còn nợ lại đúng như thoả thuận bằng lời nói lúc mua, bán hàng với nhau nên ông T đã nhiều lần đòi nợ bà H, nhưng bà H đều khất lần không chịu trả như thoả thuận. Đến ngày 28/09/2020, bà H làm giấy khất nợ, với lý do dịch bệnh Covid nên xin trả nợ mỗi tháng là 50.000.000 đồng nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 18/01/2021, bà H làm bản cam kết, mỗi tháng trả số tiền 30.000.000 đồng nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật nhưng bà H vẫn cố tình không trả.

Từ ngày 10/04/2020 đến 19/03/2021 bà H đã trả cho vợ chồng ông T tổng số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng); Số tiền bà H còn nợ vợ chồng ông T là 274.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tư triệu đồng) sau đó không trả nữa. Từ ngày 20/3/2021 đến nay, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà H phải trả số tiền còn nợ lại nhưng bà H cứ khất lần không chịu trả.

Nay vợ chồng ông Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Hoàng Thị H phải trả cho vợ chồng ông T toàn bộ số tiền gốc còn nợ lại là 274.000.000đ (Hai trăm bảy mươi tư triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh bắt đầu tính từ tháng 4/2021 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cho đến khi bà H trả xong số tiền còn nợ cả gốc và lãi cho vợ chồng ông T.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Hoàng Thị H trình bày như sau:

Ngày 26/01/2020, bà H có mua hàng là Đót của gia đình ông Lê Văn T để về làm chổi Đót bán, số tiền hàng bà H nợ gia đình ông T là 354.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tư triệu đồng), không lãi. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/4/2020 đến ngày 19/3/2021 bà H đã trả cho gia đình ông T được 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Hiện nay bà H còn nợ vợ chồng ông T số tiền là 274.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tư triệu đồng). Từ tháng 3/2021 đến nay ông T vẫn đòi nợ bà H, nhưng vì dịch bệnh bà H làm ăn bị thua lỗ gia đình bà H kinh tế quá khó khăn nên mỗi lần ông T đòi nợ bà H đều phải xin khất nợ. Bà H sẽ có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T số tiền gốc còn nợ lại là 274.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tư triệu đồng) và xin được trả nợ dần mỗi tháng ít nhất là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ, bà H cũng xin vợ chồng ông T không phải trả lãi cho khoản tiền nợ gốc còn lại này vì hiện nay gia đình bà rất khó khăn.

Tại phiên tòa ông Lê Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Hoàng Thị H phải trả số tiền mua hàng (Đót) còn nợ lại là 274.000.000đ (Hai trăm bảy mươi tư triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh tính từ tháng 4/2021 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cho đến khi bà H trả xong số tiền còn nợ cả gốc và lãi cho vợ chồng ông T. Bà H đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại như ông T đã yêu cầu nhưng xin được trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và xin không phải trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bà Hoàng Thị H có mua hàng là Đót của vợ chồng ông Lê Văn T với mục đích làm chổi đót để bán và có nợ tiền hàng của vợ chồng ông T với số tiền là 274.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Quá hạn trả nợ bà H không trả nên ông T, bà Th khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà H phải trả số tiền hàng còn nợ lại. Bị đơn là bà Hoàng Thị H cư trú tại: thôn Đ, xã Ph, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T và bà H không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 430 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ vào giấy khất nợ ngày 28/9/2020 thể hiện ngày 26/01/2020, bà Hoàng Thị H có mua Đót của vợ chồng ông Lê Văn T với số tiền là 354.900.000 đồng (ba trăm năm mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng). Tính đến ngày 28/9/2020, bà H còn nợ vợ chồng ông T số tiền là 304.900.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Thời hạn thanh toán mỗi tháng 50.000.00 đồng (năm mươi triệu đồng), tính từ ngày 28/9/2020 cho đến khi trả hết nợ. Tại bản cam kết ngày 18/01/2021, bà H cam kết hàng tháng sẽ trả cho ông T số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) kể từ tháng 02/2021. Còn từ ngày 18/01/2021 đến tết âm lịch năm 2021 trả cho ông T số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Nhưng từ ngày 10/4/2020 đến ngày 19/3/2021 bà H mới trả cho vợ chồng ông T được 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Số tiền hàng thực tế bà H còn nợ lại là 274.900.000 đồng, nhưng ông T chỉ yêu cầu bà H phải trả số tiền là 274.000.000 đồng. Bà H cũng thừa nhận lời khai của ông T và tài liệu chứng cứ ông T xuất trình tại Tòa án là đúng thực tế. Nhưng vì khó khăn nên đến hạn bà H đã không trả được số tiền hàng còn nợ lại cho ông T, bà Th.

Như vậy, xác định đây là hợp đồng mua bán tài sản đã được các bên giao, nhận xong tài sản nhưng bên mua đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời gian thỏa thuận. Do bà Hoàng Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết, nên ông T, bà Th yêu cầu bà H phải trả cho ông T, bà Th số tiền mua hàng còn nợ lại là có căn cứ để chấp nhận. Buộc bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng

ông Lê Văn T, bà Dương Thị Th số tiền mua hàng còn nợ lại là 274.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại điều 440 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất: Bên mua hàng là bà Hoàng Thị H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm trả là 274.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) tính từ tháng 4/2021 với mức lãi suất là 0,83%/tháng của ông T phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Vì vậy, lãi suất được tạm tính từ ngày 01/4/2021 cho đến ngày xét xử (ngày 28/7/2022) là 15 tháng 27 ngày:

$274.000.000 \times 0,83\%/tháng \times 15 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 36.159.780 \text{ đồng (làm tròn số: 36.160.000 đồng)}$.

Tổng cộng tiền gốc và lãi bà Hoàng Thị H phải trả cho vợ chồng ông Lê Văn T, bà Dương Thị Th là: 274.000.000đồng + 36.160.000 đồng = 310.160.000 đồng (Ba trăm mười triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Dương Thị Th được chấp nhận nên bà Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ là 310.160.000 đồng $\times 5\% = 15.508.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 220, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Điều 5, khoản 1 Điều 6, Điều 9, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Dương Thị Th về việc buộc bà Hoàng Thị H phải trả số tiền mua hàng còn nợ lại và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T, bà Dương Thị Th số tiền mua hàng còn nợ lại là 274.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 36.160.000 đồng (ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền gốc và lãi bà H phải trả cho vợ chồng ông T, bà Th là: 274.000.000đồng + 36.160.000 đồng = 310.160.000 đồng (Ba trăm mười triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị H phải nộp 15.508.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho ông Lê Văn T, bà Dương Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.850.000 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0004672 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang